

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:197/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2023
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 423/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Bà Đồng Thị N, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2023 nguyên đơn ông Lê Thanh T trình bày: Vào năm 2003 ông và bà Đồng Thị N tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ thành hôn nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đồng Thị N. Trong quá trình chung sống ông và bà N có hai người con chung tên Lê Khánh D, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2003 và Lê Duy K, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2006. Đối với Lê Khánh D đã trưởng thành có thể tự

nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Lê Duy K đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông yêu cầu giao Lê Duy K cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 24 tháng 7 năm 2023 bị đơn bà Đồng Thị N trình bày: Vào năm 2003 bà và ông Lê Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp trong lối sống nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Bà và ông T có hai người con chung tên Lê Khánh D, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2003 và Lê Duy K, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2006. Lê Khánh D đã trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng Lê Duy K, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Đồng Thị N, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Thanh T là nguyên đơn, bà Đồng Thị N là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Thanh T và bà Đồng Thị N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh T và bà Đồng Thị N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông Lê Thanh T và bà Đồng Thị N không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Thanh T và bà Đồng Thị N.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Lê Thanh T và bà Đồng Thị N có hai người con chung tên Lê Khánh D, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2003 và Lê Duy K, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2006. Đối với người con chung tên Lê Khánh D, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2003 đã thành niên và có đủ khả năng để lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét. Đối với người con chung tên Lê Duy K, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2006 hiện đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông T yêu cầu giao người con chung tên Lê Duy K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, bà N đồng ý trực tiếp nuôi người con chung tên Lê Duy K. Xét thấy sự thỏa thuận giữa ông T và bà N là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và

phù hợp với nguyện vọng của người con chung tên Lê Duy K nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông T, bà N, giao người con chung tên Lê Duy K, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2006 cho bà Đồng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà Đồng Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Thanh T và bà Đồng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Lê Thanh T phải nộp 300.000 đồng, ông T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng được đối trừ chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Thanh T và bà Đồng Thị N.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Lê Duy K, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2006 cho bà Đồng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0019094 ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, ông T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm, ông Lê Thanh T và bà Đồng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Triều